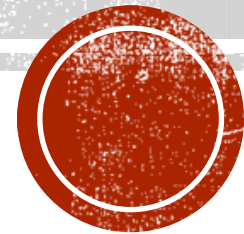
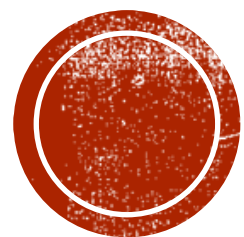


# HTML VÀ CSS

## 01 – các nội dung cơ bản





# GIỚI THIỆU CHUNG

# GIỚI THIỆU CHUNG

- HTML (HyperText Markup Language) và CSS (Cascading Style Sheets) là hai công nghệ cốt lõi của World Wide Web.
- HTML và CSS được tạo ra với những mục đích cụ thể để cải thiện trải nghiệm người dùng trên web.
- HTML và CSS được quản lý và phát triển bởi **World Wide Web Consortium (W3C)**, một tổ chức quốc tế chịu trách nhiệm phát triển các tiêu chuẩn web. W3C được thành lập bởi Tim Berners-Lee, người phát minh ra World Wide Web và hiện nay vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và cập nhật các tiêu chuẩn này.



# LỊCH SỬ

## HTML

- **1991-1992:** Tim Berners-Lee, nhà khoa học máy tính người Anh, đã phát minh ra HTML. Phiên bản đầu tiên của HTML được công bố vào năm 1991.
- **1995:** HTML 2.0 được phát hành, chuẩn hoá các tính năng của HTML 1.0 và thêm một số tính năng mới.
- **1997:** HTML 3.2 được phát hành bởi W3C (World Wide Web Consortium), bao gồm các tính năng như applets và text flow.
- **1999:** HTML 4.01 được phát hành, tập trung vào việc cải thiện khả năng truy cập và tính tương thích.
- **2014:** HTML5 được chính thức phát hành, mang lại nhiều tính năng mới như video, audio và canvas để vẽ đồ hoạ.



# LỊCH SỬ

## CSS

- **1996:** CSS1 được phát hành bởi W3C, cung cấp các tính năng cơ bản để định dạng văn bản và bố cục trang web.
- **1998:** CSS2 được phát hành, bổ sung các tính năng như định dạng cho các thiết bị khác nhau và hỗ trợ cho các kiểu chữ phức tạp.
- **2001:** CSS2.1 được phát hành, sửa lỗi và cải tiến từ CSS2.
- **2011:** CSS3 bắt đầu được phát triển, chia thành nhiều module để dễ dàng cập nhật và mở rộng. CSS3 mang lại nhiều tính năng mới như các hiệu ứng chuyển động, gradient, và các kiểu bố cục linh hoạt.



# LỊCH SỬ

## HTML

- 1991-1992: HTML 1.x
- 1995: HTML 2.0
- 1997: HTML 3.2
- 1999: HTML 4.01
- 2014: **HTML5**

## CSS

- 1996: CSS1
- 1998: CSS2
- 2001: CSS2.1
- 2011: **CSS3**



# World Wide Web

The WorldWideWeb (W3) is a wide-area [hypermedia](#) information retrieval initiative aiming to give universal access to a large universe of documents.

Everything there is online about W3 is linked directly or indirectly to this document, including an [executive summary](#) of the project, [Mailing lists](#) , [Policy](#) , November's [W3 news](#) , [Frequently Asked Questions](#) .

## What's out there?

Pointers to the world's online information, [subjects](#) , [W3 servers](#), etc.

## Help

on the browser you are using

## Software Products

A list of W3 project components and their current state. (e.g. [Line Mode](#) ,X11 [Viola](#) , [NeXTStep](#) , [Servers](#) , [Tools](#) , [Mail robot](#) , [Library](#) )

## Technical

Details of protocols, formats, program internals etc

## Bibliography

Paper documentation on W3 and references.

## People

A list of some people involved in the project.

## History

A summary of the history of the project.

## How can I help ?

If you would like to support the web..

## Getting code

Getting the code by [anonymous FTP](#) , etc.

<https://info.cern.ch/hypertext/WWW/TheProject.html>

```
<HEADER>
  <TITLE>The World Wide Web project</TITLE>
  <NEXTID N="55">
</HEADER>

<BODY>
  <H1>World Wide Web</H1>The WorldWideWeb (W3) is a wide-area<A NAME=0 HREF="whatIs.html"> hypermedia</A> information
  retrieval initiative aiming to give universal access to a large universe of documents.<P> Everything there is online
  about W3 is linked directly or indirectly to this document, including an <A NAME=24
    HREF="Summary.html">executive summary</A> of the project, <A NAME=29
    HREF="Administration/Mailing/Overview.html">Mailing lists</A> , <A NAME=30 HREF="Policy.html">Policy</A> ,
  November's <A NAME=34 HREF="News/9211.html">W3 news</A> ,
  <A NAME=41 HREF="FAQ/List.html">Frequently Asked Questions</A> .
<DL>
  <DT><A NAME=44 HREF=" ../DataSources/Top.html">What's out there?</A>
  <DD> Pointers to the
    world's online information,<A NAME=45 HREF=" ../DataSources/bySubject/Overview.html"> subjects</A>
    , <A NAME=z54 HREF=" ../DataSources/WWW/Servers.html">W3 servers</A>, etc.
  <DT><A NAME=46 HREF="Help.html">Help</A>
  <DD> on the browser you are using
  <DT><A NAME=13 HREF="Status.html">Software Products</A>
  <DD> A list of W3 project
    components and their current state.
    (e.g. <A NAME=27 HREF="LineMode/Browser.html">Line Mode</A> ,X11 <A NAME=35 HREF="Status.html#35">Viola</A>
    , <A NAME=26 HREF="NeXT/WorldWideWeb.html">NeXTStep</A>
    , <A NAME=25 HREF="Daemon/Overview.html">Servers</A> , <A NAME=51 HREF="Tools/Overview.html">Tools</A> ,<A
      NAME=53 HREF="MailRobot/Overview.html"> Mail robot</A> ,<A NAME=52 HREF="Status.html#57">
      Library</A> )
  <DT><A NAME=47 HREF="Technical.html">Technical</A>
  <DD> Details of protocols, formats,
    program internals etc
  <DT><A NAME=40 HREF="Bibliography.html">Bibliography</A>
  <DD> Paper documentation
    on W3 and references.
  <DT><A NAME=14 HREF="People.html">People</A>
  <DD> A list of some people involved
    in the project.
  <DT><A NAME=15 HREF="History.html">History</A>
  <DD> A summary of the history
    of the project.
  <DT><A NAME=37 HREF="Helping.html">How can I help</A> ?
  <DD> If you would like
    to support the web..
  <DT><A NAME=48 HREF=" ../README.html">Getting code</A>
  <DD> Getting the code by<A NAME=49 HREF="LineMode/Defaults/Distribution.html">
    anonymous FTP</A> , etc.</A>
</DL>
</BODY>
```

# MỤC ĐÍCH

## HTML

- **Cấu trúc nội dung:** HTML được thiết kế để cung cấp cấu trúc và ý nghĩa cho nội dung trên web. Nó cho phép các nhà phát triển định nghĩa các phần tử như tiêu đề, đoạn văn, liên kết, hình ảnh, và nhiều hơn nữa.
- **Liên kết tài liệu:** HTML cho phép tạo ra các liên kết giữa các tài liệu khác nhau, giúp người dùng dễ dàng điều hướng giữa các trang web.
- **Truy cập dễ dàng:** HTML giúp đảm bảo rằng nội dung web có thể truy cập được bởi mọi người, bao gồm cả những người sử dụng các thiết bị hỗ trợ hoặc có nhu cầu đặc biệt.





# MỤC ĐÍCH

## CSS

- **Tách biệt nội dung và trình bày:** CSS được tạo ra để tách biệt phần trình bày (giao diện) của trang web khỏi nội dung của nó. Điều này giúp dễ dàng quản lý và cập nhật giao diện mà không ảnh hưởng đến nội dung.
- **Kiểm soát bố cục và thiết kế:** CSS cung cấp các công cụ mạnh mẽ để kiểm soát bố cục, màu sắc, phông chữ, và các yếu tố thiết kế khác của trang web.
- **Tính nhất quán:** CSS giúp duy trì tính nhất quán trong thiết kế trên nhiều trang web, giúp người dùng có trải nghiệm mượt mà và dễ chịu hơn.
- **Hiệu suất:** Bằng cách sử dụng CSS, các nhà phát triển có thể giảm kích thước tệp HTML và cải thiện hiệu suất tải trang.



# TƯƠNG THÍCH NGƯỢC

## HTML

- **HTML5:** Được thiết kế để duy trì tính tương thích ngược với các phiên bản trước đó như HTML4 và XHTML. Các trang web sử dụng mã HTML cũ vẫn sẽ hiển thị đúng trên các trình duyệt hỗ trợ HTML5.
- **DOCTYPE:** Việc khai báo `<!DOCTYPE html>` ở đầu tài liệu HTML giúp trình duyệt hiểu rằng trang web đang sử dụng chế độ tiêu chuẩn, tránh kích hoạt chế độ tương thích ngược không mong muốn.

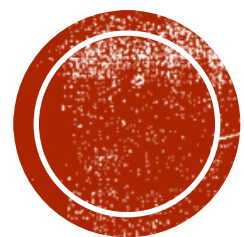


# TƯƠNG THÍCH NGƯỢC

## CSS

- **CSS3:** Cũng duy trì tính tương thích ngược với các phiên bản trước đó như CSS2.1. Các trình duyệt hiện đại vẫn hỗ trợ các thuộc tính và cú pháp cũ của CSS, đảm bảo rằng các trang web sử dụng mã CSS cũ vẫn hiển thị đúng.
- **Pseudo-Elements:** Cú pháp một dấu hai chấm (:pseudo-element) vẫn được chấp nhận trong CSS3 để đảm bảo tính tương thích ngược với CSS2 và CSS1.





# SỬ DỤNG HTML, CSS

# THẺ **HTML** CƠ BẢN

## Thẻ cấu trúc

`<html>`: Thẻ gốc của tài liệu HTML. Tất cả nội dung HTML phải nằm trong thẻ này.

```
<html>  
  <!-- Nội dung HTML -->  
</html>
```



# THẺ **HTML** CƠ BẢN

## Thẻ cấu trúc

**<head>**: Chứa các thông tin meta, liên kết đến các tệp CSS, JavaScript, và tiêu đề của trang.

```
<head>  
  <title>Tiêu đề trang</title>  
</head>
```



# THẺ **HTML** CƠ BẢN

## Thẻ cấu trúc

`<body>`: Chứa nội dung chính của trang web, bao gồm văn bản, hình ảnh, liên kết, v.v.

```
<body>  
  <!-- Nội dung trang web -->  
</body>
```



# THẺ **HTML** CƠ BẢN

## Thẻ văn bản

<h1> đến <h6>: Các thẻ tiêu đề, từ lớn nhất (<h1>) đến nhỏ nhất (<h6>).

```
<h1>Tiêu đề chính</h1>  
<h2>Tiêu đề phụ</h2>
```





# THẺ **HTML** CƠ BẢN

## Thẻ văn bản

`<p>`: Thẻ đoạn văn, dùng để chứa văn bản.

```
<p>Đây là một đoạn văn.</p>
```



# THẺ **HTML** CƠ BẢN

## Thẻ văn bản

`<a>`: Thẻ liên kết, dùng để tạo liên kết đến các trang khác hoặc tài liệu khác.

```
<a href="https://example.com">Liên kết đến Example</a>
```



# THẺ **HTML** CƠ BẢN

## Thẻ danh sách

`<ul>`: Danh sách không thứ tự, thường được sử dụng với thẻ `<li>` để liệt kê các mục.

```
<ul>  
  <li>Mục 1</li>  
  <li>Mục 2</li>  
</ul>
```



# THẺ HTML CƠ BẢN

## Thẻ danh sách

`<ol>`: Danh sách có thứ tự, cũng sử dụng thẻ `<li>` để liệt kê các mục.

```
<ol>  
  <li>Mục 1</li>  
  <li>Mục 2</li>  
</ol>
```



# THẺ **HTML** CƠ BẢN

## Thẻ hình ảnh và đa phương tiện

`<img>`: Thẻ hình ảnh, dùng để chèn hình ảnh vào trang web.

```

```



# THẺ **HTML** CƠ BẢN

## Thẻ hình ảnh và đa phương tiện

`<video>`: Thẻ video, dùng để chèn video vào trang web.

```
<video controls>
  <source src="video.mp4" type="video/mp4">
  Trình duyệt của bạn không hỗ trợ thẻ video.
</video>
```



# THẺ **HTML** CƠ BẢN

## Thẻ biểu mẫu

`<form>`: Thẻ biểu mẫu, dùng để tạo các biểu mẫu nhập liệu.

```
<form action="/submit" method="post">  
  <label for="name">Tên:</label>  
  <input type="text" id="name" name="name">  
  <input type="submit" value="Gửi">  
</form>
```



# THẺ **HTML** CƠ BẢN

## Thẻ phân chia và định dạng

**<div>**: Thẻ phân chia, dùng để nhóm các phần tử lại với nhau.

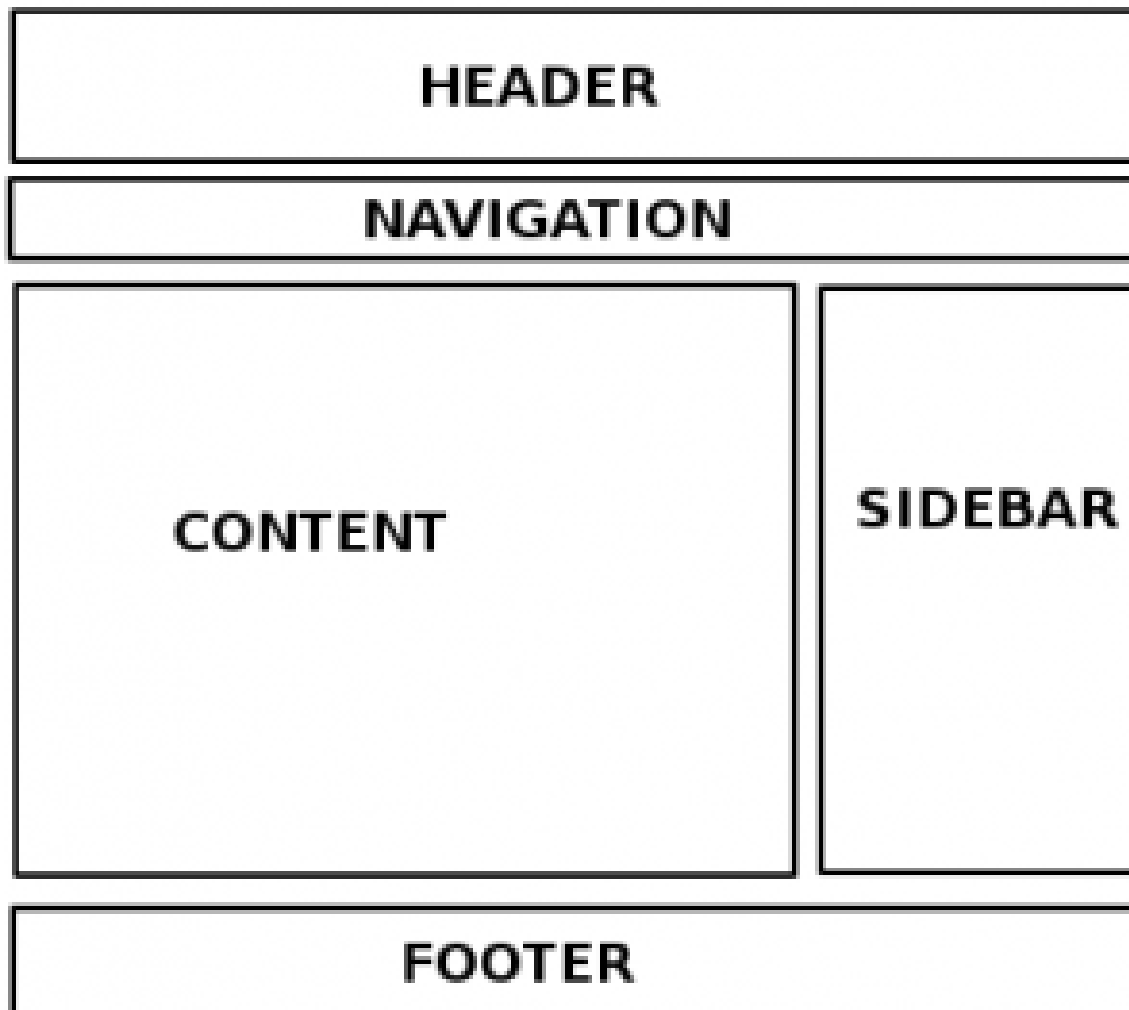
```
<div>  
  <p>Đoạn văn trong một div.</p>  
</div>
```





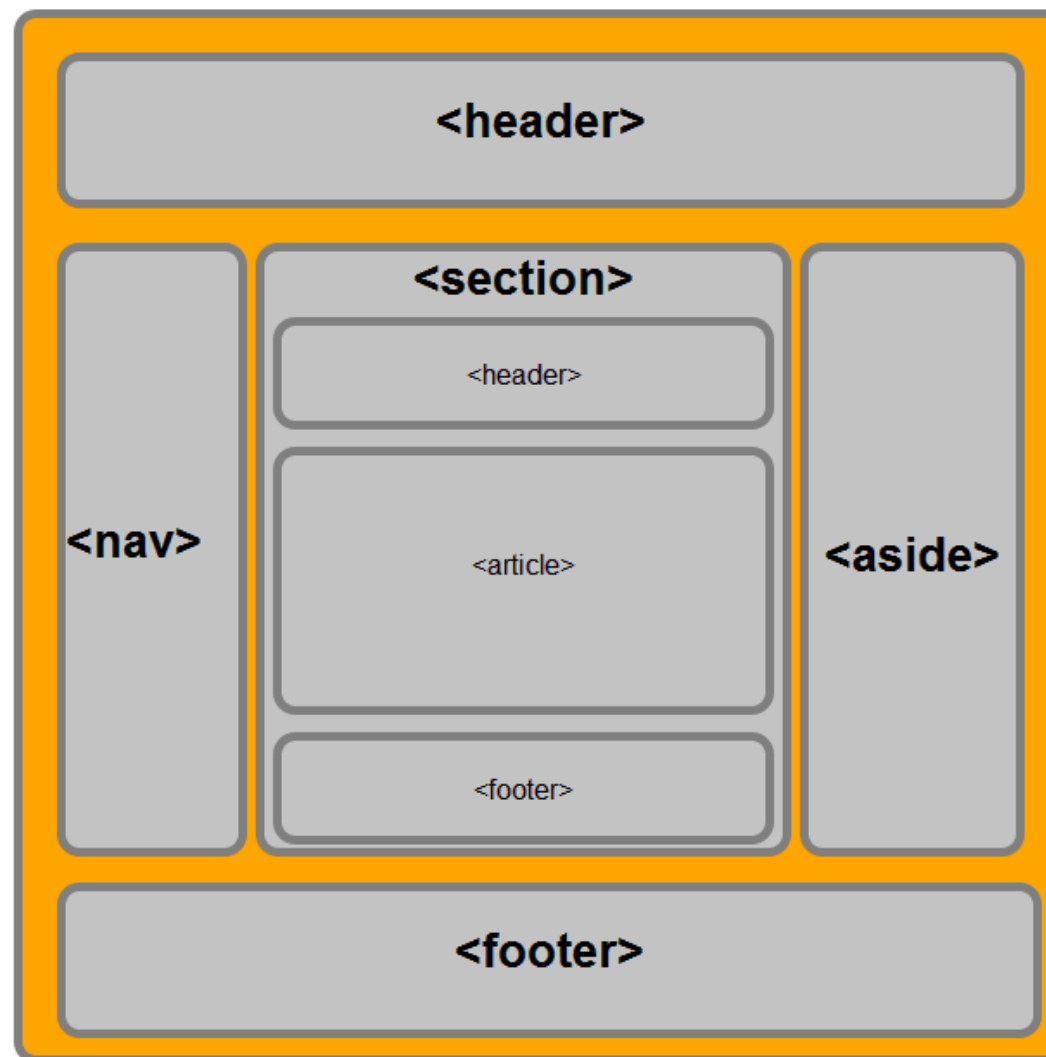
# THẺ **HTML** CƠ BẢN

Thẻ phân chia và định dạng



# THẺ **HTML** CƠ BẢN

Thẻ phân chia và định dạng



# THẺ **HTML** CƠ BẢN

## Thẻ phân chia và định dạng

`<span>`: Thẻ nội tuyến, dùng để định dạng một phần nhỏ của văn bản.

```
<p>Đây là một <span style="color: red;">văn bản màu đỏ</span>.</p>
```



# THUỘC TÍNH **CSS** CƠ BẢN

## Thuộc tính định dạng văn bản

**color:** Đặt màu cho văn bản.

```
p {  
  color: blue;  
}
```



# THUỘC TÍNH **CSS** CƠ BẢN

## Thuộc tính định dạng văn bản

`font-size`: Đặt kích thước cho văn bản.

```
h1 {  
    font-size: 2em;  
}
```



# THUỘC TÍNH **CSS** CƠ BẢN

## Thuộc tính định dạng văn bản

`font-family`: Đặt kiểu chữ cho văn bản.

```
body {  
    font-family: Arial, sans-serif;  
}
```



# THUỘC TÍNH **CSS** CƠ BẢN

## Thuộc tính bố cục

**margin**: Đặt khoảng cách bên ngoài của phần tử.

```
div {  
    margin: 20px;  
}
```



# THUỘC TÍNH **CSS** CƠ BẢN

## Thuộc tính bố cục

`padding`: Đặt khoảng cách bên trong của phần tử.

```
.container {  
  padding: 15px;  
}
```





# THUỘC TÍNH **CSS** CƠ BẢN

## Thuộc tính bố cục

**border:** Đặt viền cho phần tử.

```
img {  
  border: 2px solid black;  
}
```



# THUỘC TÍNH **CSS** CƠ BẢN

## Thuộc tính hiển thị và vị trí

`display`: Đặt kiểu hiển thị của phần tử.

```
.hidden {  
  display: none;  
}
```



# THUỘC TÍNH **CSS** CƠ BẢN

## Thuộc tính hiển thị và vị trí

`position`: Đặt vị trí của phần tử.

```
.fixed {  
  position: fixed;  
  top: 0;  
  left: 0;  
}
```



# THUỘC TÍNH **CSS** CƠ BẢN

## Thuộc tính hiển thị và vị trí

`float`: Đặt phần tử nổi sang trái hoặc phải.

```
.left {  
  float: left;  
}
```



# THUỘC TÍNH **CSS** CƠ BẢN

## Thuộc tính nền

`background-color`: Đặt màu nền cho phần tử.

```
header {  
    background-color: #f0f0f0;  
}
```



# THUỘC TÍNH **CSS** CƠ BẢN

## Thuộc tính nền

`background-image`: Đặt hình nền cho phần tử.

```
body {  
    background-image: url('background.jpg');  
}
```



# THUỘC TÍNH **CSS** CƠ BẢN

## Thuộc tính kích thước

`width`: Đặt chiều rộng cho phần tử.

```
.box {  
  width: 100px;  
}
```



# THUỘC TÍNH **CSS** CƠ BẢN

## Thuộc tính kích thước

**height:** Đặt chiều cao cho phần tử.

```
.box {  
  height: 100px;  
}
```





# THUỘC TÍNH **CSS** CƠ BẢN

## Thuộc tính khác

`text-align`: Đặt căn chỉnh văn bản.

```
h2 {  
    text-align: center;  
}
```



# THUỘC TÍNH **CSS** CƠ BẢN

## Thuộc tính khác

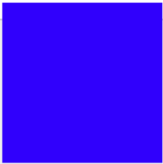
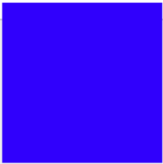
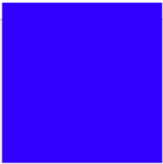
opacity: Đặt độ trong suốt cho phần tử.

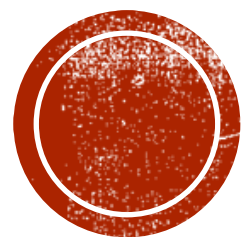
```
.transparent {  
  opacity: 0.5;  
}
```



```
<!DOCTYPE html>
<html lang="vi">
<head>
  <meta charset="UTF-8">
  <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">
  <title>Ví dụ CSS cơ bản</title>
  <style>
    body {
      font-family: Arial, sans-serif;
      background-color: #f0f0f0;
      margin: 0;
      padding: 0;
    }
    header {
      background-color: #333;
      color: white;
      text-align: center;
      padding: 10px 0;
    }
    .container {
      width: 80%;
      margin: 0 auto;
      padding: 20px;
      background-color: white;
      border: 1px solid #ccc;
    }
    .box {
      width: 100px;
      height: 100px;
      background-color: blue;
      margin: 10px;
      float: left;
    }
  </style>
</head>
<body>
  <header>
    <h1>Trang web của tôi</h1>
  </header>
  <div class="container">
    <div class="box"></div>
    <div class="box"></div>
    <div class="box"></div>
  </div>
</body>
</html>
```

# Trang web của tôi





**ÔN TẬP**

## HTML được phát minh bởi ai?

- A. Bill Gates
- B. Tim Berners-Lee
- C. Steve Jobs
- D. Mark Zuckerberg

HTML



**Thẻ nào được sử dụng để tạo liên kết trong HTML?**

A. <link>

B. <a>

C. <href>

D. <url>

**HTML**



**Thẻ nào dùng để chèn hình ảnh vào trang web?**

- A. <img>
- B. <image>
- C. <picture>
- D. <src>

**HTML**





**Thẻ nào dùng để tạo danh sách không thứ tự?**

A. <ol>

B. <ul>

C. <li>

D. <dl>

**HTML**





## Thẻ <head> chứa thông tin gì?

- A. Nội dung chính của trang web
- B. Thông tin meta, liên kết đến CSS và JavaScript
- C. Hình ảnh và video
- D. Các đoạn văn bản

HTML



**Thuộc tính nào dùng để đặt màu cho văn bản?**

- A. font-color
- B. text-color
- C. color
- D. background-color

**CSS**



**Thuộc tính nào dùng để đặt khoảng cách bên ngoài của phần tử?**

- A. padding
- B. margin
- C. border
- D. spacing

**CSS**



**Thuộc tính nào dùng để đặt kiểu chữ cho văn bản?**

- A. font-family
- B. font-style
- C. text-style
- D. text-family

**CSS**





**Thuộc tính nào dùng để đặt vị trí của phần tử?**

- A. location
- B. position
- C. place
- D. site

**CSS**



**Pseudo-element nào dùng để định dạng dòng đầu tiên của một đoạn văn?**

- A. :first-letter
- B. :first-line
- C. :before
- D. :after

**CSS**



# HTML VÀ CSS

## 01 – các nội dung cơ bản

